

Số: 81.2018/CV-AMD

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD
Mã chứng khoán: AMD
Trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024.3292 9222
Fax: 024.3291 9222
Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Vũ Đặng Hải Yến
Chức vụ: Thành viên HĐQT
Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần đầu tư và khoáng sản FLC AMD công bố báo cáo thường niên năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD vào ngày 20/04/2018 tại đường dẫn: <http://amdgroup.vn/vic/document/128-tong-hop-cong-bo-thong-tin.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin /



Vũ Đặng Hải Yến

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN FLC AMD
NĂM BÁO CÁO 2017**

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG	1
I. Thông tin khái quát	1
II. Quá trình hình thành và phát triển	1
1. Quá trình hình thành và phát triển FLC AMD	1
2. Các mốc sự kiện quan trọng	2
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
1. Ngành nghề kinh doanh chính	4
2. Địa bàn kinh doanh	5
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
1. Mô hình quản trị	5
2. Cơ cấu bộ máy quản lý	8
3. Các công ty con, công ty liên kết	9
V. Định hướng phát triển	11
1. Các mục tiêu chủ yếu	11
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	11
3. Các mục tiêu phát triển bền vững	11
VI. Các rủi ro	12
1. Rủi ro từ góc độ quản lý Nhà nước	12
2. Rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty	12
3. Rủi ro khác	12
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017	13
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
1. Về thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận	13
II. Tổ chức và nhân sự	13
1. Danh sách Ban điều hành	13
2. Những thay đổi trong ban điều hành	19
3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	19
III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	20
1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư	20
2. Tóm tắt về hoạt động của các công ty con	22
IV. Tình hình tài chính	24
1. Tình hình thực hiện so với năm 2016	24
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	24
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	25

1. Cổ phần.....	25
2. Cơ cấu Cổ đông Công ty tính đến thời điểm ngày 11/12/2017.....	26
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	26
4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.....	26
5. Các chứng khoán khác: Không	26
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	26
C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	28
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	28
II. Tình hình tài chính.....	28
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	29
IV. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch phát triển năm 2017.....	29
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG.....	30
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	30
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	30
III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	31
E. QUẢN TRỊ CÔNG TY	32
I. Hội đồng quản trị	32
1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.....	32
2. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
3. Hoạt động của Hội đồng quản trị	33
II. Ban Kiểm soát.....	36
1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát	36
2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:.....	36
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.....	37
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	39
1. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	39
2. Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:.....	39
BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	40
I. Ý kiến kiểm toán	40
II. Báo cáo tài chính được kiểm toán	40

A. THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 20/9/2007, thay đổi lần thứ 19 ngày 13/02/2018
- Vốn điều lệ: 1.635.048.740.000 VNĐ (Bằng chữ: Một nghìn sáu trăm ba mươi lăm tỷ không trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng Việt Nam)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.635.048.740.000 VNĐ (Bằng chữ: Một nghìn sáu trăm ba mươi lăm tỷ không trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng Việt Nam).
- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Succi, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.3292 9222 Số fax: 04.3291 9222
- Website: www.amdgroup.vn
- Mã cổ phiếu: AMD

II. Quá trình hình thành và phát triển

1. Quá trình hình thành và phát triển FLC AMD

Tiền thân của Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD là Công ty cổ phần FIKOR Việt Nam được thành lập lần đầu ngày 20/9/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019695 với vốn điều lệ ban đầu là 9,9 tỷ đồng. Ngày 23/04/2014 Công ty cổ phần FIKOR Việt Nam được đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư FLC AMD theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102370070, có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Ngày 15/01/2018 Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102370070. Ngày 24/01/2018 Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ 1.635.048.740.000 đồng và hoạt động ổn định cho đến nay.

Thời gian đầu thành lập, FLC AMD tập trung chủ yếu vào mảng hoạt động chính là tư vấn đầu tư và tư vấn quản lý kinh doanh. Bước sang năm 2013, nắm bắt xu thế thị trường FLC AMD bắt đầu mở rộng sang hoạt động kinh doanh thương mại với các mặt hàng chủ yếu là hàng điện tử, điện lạnh. Từ 2014, với mục tiêu trở thành một doanh nghiệp hoạt động đa ngành, FLC AMD đã tìm hiểu, đánh giá và quyết định đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết có thương hiệu và có tiềm năng phát triển lớn là: Viện Quản lý và Phát triển Châu Á, Công ty cổ phần Vật tư và khoa học kỹ thuật Acetech, Công ty cổ phần Pink House Việt Nam, Công ty cổ phần AMD Smart, Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn.

Để nâng cao tính minh bạch, tăng tính thanh khoản và lợi ích cho cổ đông, đến tháng 5/2014, Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng theo như công văn thông báo số 3092/UBCK-QLPH về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty. Cũng trong năm, Công ty nhận được quyết định số 606/QĐ-SGDHN do Sở GDCK Hà Nội cấp ngày 31/10/2014 chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung UPCOM với mã giao dịch AMD, và chính thức giao dịch trên UPCOM vào ngày 11/11/2014. Đến ngày 08/06/2015, Công ty nhận được Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) về việc chấp thuận niêm yết tại HOSE. Theo đó, cổ phiếu AMD đã chính thức giao dịch tại HOSE vào ngày 16/06/2015. Đây là bước ngoặt đánh dấu chặng đường phát triển của Công ty với mục tiêu mở rộng hình ảnh, minh bạch hoạt động và thu hút đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Đến năm 2016, FLC AMD chuyển hướng tập trung vào lĩnh vực khoáng sản; trong đó, khai thác và kinh doanh đá tự nhiên là ngành nghề mũi nhọn ưu tiên. Đến nay, FLC AMD đã có những thành tựu rất đáng ghi nhận bằng việc chính thức đưa Nhà máy khai thác và chế biến đá tự nhiên tại Mỏ Núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đi vào hoạt động ngày 7/1/2017 với tổng mức đầu tư 218 tỷ đồng. Nhà máy có quy mô lớn và được trang bị hệ thống máy móc hiện đại, công nghệ tiên tiến hàng đầu ngành đá hiện nay, được nhập từ Italia, Trung Quốc và Ấn Độ. Tiêu biểu như máy xẻ đá gangsaw 100 lưỡi, máy cắt cầu nhiều lưỡi, máy đánh bóng 20 đầu, máy cắt đá bằng dây kim cương, máy cắt cạnh CNC.... Nhà máy sản xuất đá thứ hai tại Mỏ Núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thành việc xây lắp và đi vào vận hành. Dự kiến công suất của hai nhà máy sau khi đi vào vận hành đạt khoảng 1 triệu m²/năm. Hiện nay, FLC AMD đang tích cực hoàn thành thủ tục xin cấp phép khai thác đá tự nhiên tại mỏ thứ 3 tại Núi Ác Sơn, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đồng thời xin cấp phép mở rộng khai thác tại mỏ núi Loáng (xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa) và xin cấp quyền thăm dò các mỏ đá tại Cao Ngọc (Ngọc Lặc, Thanh Hóa), núi Vàng (xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa), Tân Hợp (Tân Kỳ, Nghệ An), dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2018 - 2019.

2. Các mốc sự kiện quan trọng

- Ngày 06/01/2017, FLC AMD được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 13/GP-UBND về việc cho phép Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD được phép thăm dò khoáng sản tại mỏ núi Ác Sơn, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Ngày 07/01/2017, FLC AMD đã tổ chức khánh thành giai đoạn 1 Nhà máy sản xuất và chế tác đá tự nhiên tại mỏ núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và đưa vào hoạt động.



- Tháng 4/2017, liên danh tư vấn của Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI) và Trung tâm Đa dạng và An toàn Sinh học (CBB) đã chính thức ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho Ban Quản lý Dự án Trung ương thuộc dự án “Hành lang bảo tồn đa dạng sinh học tiểu vùng Mê Công mở rộng” do ADB tài trợ.

- Tháng 4/2017, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà máy thứ 2 tại Núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc. Sau khi nhà máy đi vào hoạt động, dự kiến tổng công suất sản xuất đạt khoảng 1 triệu m²/năm.



- Ngày 31/05/2017, liên danh Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI) và Công ty TNHH MTV Đào tạo và Cung ứng nhân lực (LETCO) đã ký hợp đồng với Ban Quản lý các Dự án dạy nghề vốn ODA (Ban QLCTDA) – Tổng cục Dạy nghề để cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu “Đào tạo giáo viên về xây dựng và sử dụng học liệu mới” nằm trong khuôn khổ của dự án “Tăng cường kỹ năng nghề” do ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Việt Nam tài trợ.
- Tháng 6 năm 2017, Viện quản lý và phát triển Châu Á ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu “Đào tạo giáo viên về xây dựng và sử dụng học liệu mới” trong khuôn khổ của Dự án “Tăng cường kỹ năng nghề”. Hợp đồng trị giá 100.000 USD và đã hoàn thành sau 03 tháng kể từ khi ký Hợp đồng.
- Ngày 16/08/2017, Tập đoàn xây dựng Ahsan tại Dhaka, Bangladesh đã ký Hợp đồng đặt mua 50.000 tấn đá của Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group, trị giá Hợp đồng 975.000 đô la Mỹ.
- Ngày 22 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 78/GCN – UBCK do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp.
- Ngày 04/12/2017, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có công văn số 14806/UBND-CN chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group lập hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác mỏ đá làm vật liệu xây dựng tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc với tổng diện tích khoảng 25,0 ha.
- Ngày 05/12/2017, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có công văn số 14886/UBND-CN chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group lập hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng tại núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định.
- Ngày 29/12/2017, liên danh Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI) và Công ty Cổ phần KANKYO Việt Nam đã ký hợp đồng với Ban Quản lý dự án trung ương Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp (Ban LCASP) cung cấp dịch vụ tư vấn gói thầu “Nghiên cứu cải tiến công nghệ khí sinh học và sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị” nằm trong khuôn khổ dự án “Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp” do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Việt Nam tài trợ. Hợp đồng trị giá khoảng 01 triệu Đô la Mỹ
- Ngày 15/01/2018, Công ty cổ phần đầu tư và khoáng sản AMD Group chính thức thực hiện xong thủ tục đổi tên công ty thành Công ty cổ phần đầu tư và khoáng sản FLC AMD
- Ngày 24 tháng 01 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD nhận Công văn số 620/UBCK-QLCB Về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 78/GCN – UBCK, chào bán thành công 98.626.480 cổ phiếu

III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và Phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và Phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;

- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.

Hoạt động chính của công ty trong năm 2017 là kinh doanh vật liệu xây dựng, bán sản phẩm sản xuất từ đá tự nhiên.

2. Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, các hoạt động kinh doanh của FLC AMD đã phát triển rộng khắp cả nước nhưng tập trung ở hai địa bàn chính là Hà Nội và Thanh Hóa. Ngoài ra, FLC AMD đã vươn ra thị trường thế giới với các quốc gia tiêu biểu như: Philippines, Myanmar, Trung Quốc và Bangladesh.

IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1. Mô hình quản trị

Hiện tại, Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn, bộ máy quản lý của FLC AMD có cơ cấu tổ chức như sau:

1.1 Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Thông qua kế hoạch SXKD hàng năm và tỷ lệ chia cổ tức;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

1.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty, theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty.
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Thành viên HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	02/1/2014	
2	Ông Nguyễn Quốc Trưởng	TV HĐQT độc lập	29/6/2017	Miễn nhiệm TV HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
3	Ông Ngô Công Chính	TV HĐQT	29/6/2017	Miễn nhiệm TV HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
4	Bà Đàm Thị Ngân	TV HĐQT độc lập	29/6/2017	Miễn nhiệm TV HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
5	Bà Đinh Đặng Thủy Anh	TV HĐQT	29/6/2017	Miễn nhiệm TV HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
6	Ông Nguyễn Tiến Dũng	TV HĐQT	29/6/2017	Bầu TV HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
7	Bà Vũ Đặng Hải Yến	TV HĐQT	29/6/2017	Bầu TV HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
8	Ông Nguyễn Thiện Phú	TV HĐQT	29/6/2017	Bầu TV HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
9	Ông Lã Quý Hiền	TV HĐQT độc lập	29/6/2017	Bầu TV HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
10	Bà Võ Thị Thùy Dương	TV HĐQT độc lập	29/6/2017	Bầu TV HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2017

1.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như những vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng BKS	29/6/2017	Miễn nhiệm TV BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
2	Ông Hồ Sĩ Bắc	TV BKS	29/6/2017	Miễn nhiệm TV BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
3	Bà Lê Thị Hoàng Anh	TV BKS	29/6/2017	Miễn nhiệm TV BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
4	Bà Trần Thị Tố Dung	Trưởng BKS	29/6/2017	Bầu TV BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
5	Bà Hoàng Thị Thu Hằng	TV BKS	29/6/2017	Bầu TV BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
6	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	TV BKS	29/6/2017	Bầu TV BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2017

1.4 Ban Tổng Giám đốc

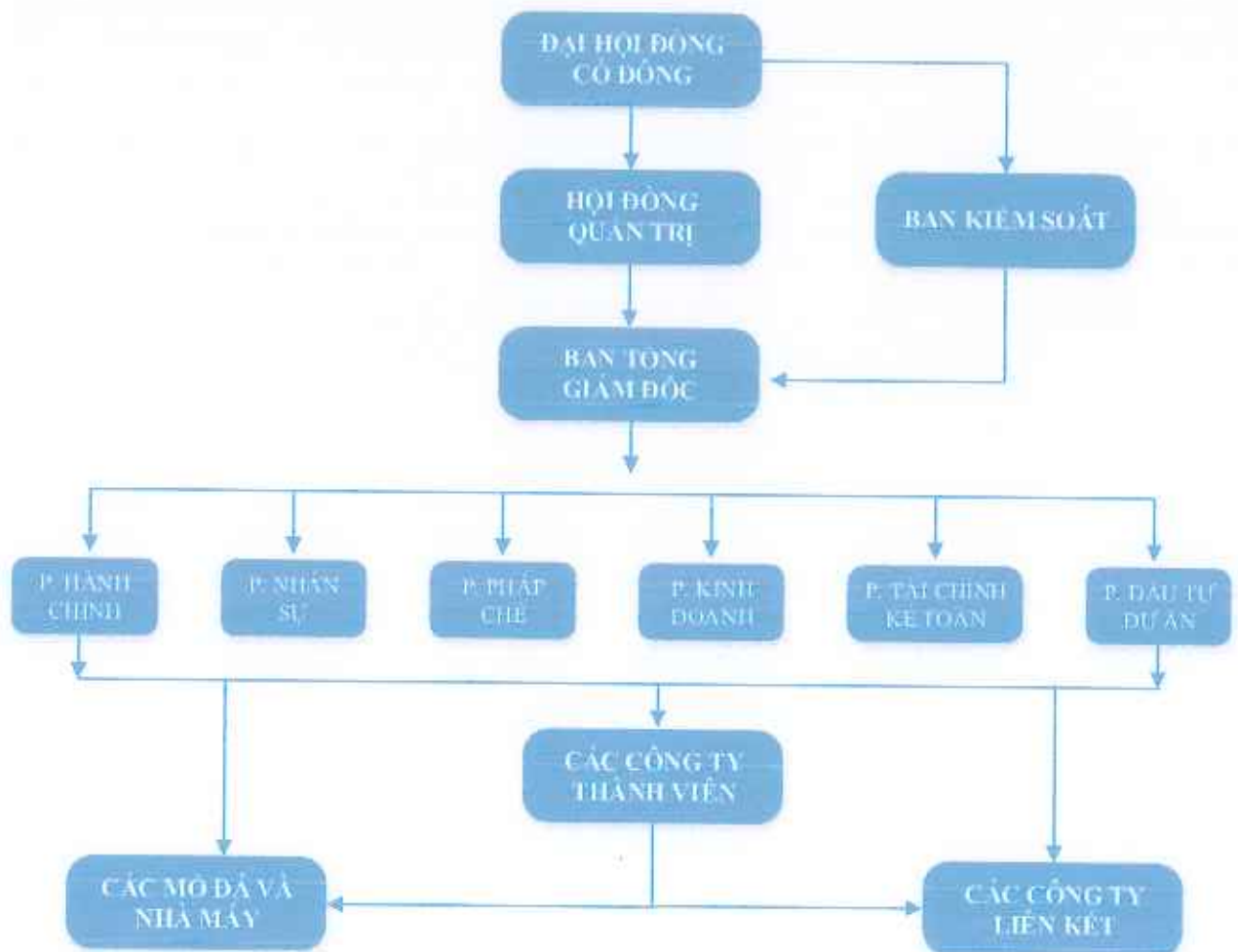
Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm là người điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các Hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất và tư vấn đề HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của Hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Vào ngày 31/12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Thời điểm bắt đầu	Thời điểm kết thúc	Lý do
Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc		12/6/2017	Miễn nhiệm
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	12/6/2017		Bổ nhiệm
Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng Giám đốc	2/1/2014	10/07/2017	Miễn nhiệm
Đinh Đặng Thùy Anh	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng kiêm người ủy quyền CBTT	22/12/2015	01/08/2017	Miễn nhiệm
Ngô Công Chính	Phó Tổng Giám đốc	2/1/2014		Bổ nhiệm
Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	17/08/2017		Bổ nhiệm
Phạm Thị Lệ Thủy	Phó Tổng Giám đốc	06/12/2017		Bổ nhiệm

2. Cơ cấu bộ máy quản lý



3. Các công ty con, công ty liên kết

▪ Danh sách công ty con

Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực hoạt động chính	Vốn điều lệ đăng ký/vốn điều lệ thực góp (đồng)	Vốn đăng ký/vốn thực góp của FLC AMD (đồng)	Tổng tỷ lệ sở hữu của FLC AMD (%)
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI)	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Tư vấn, nghiên cứu và đào tạo về quản lý	30.000.000.000	178.437.600.000	59,48%
Công ty cổ phần AMD Smart	Số nhà 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Lập trình máy tính, Xuất bản phần mềm	10.000.000.000	9.800.000.000	98%
Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đông Sơn	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh xăng dầu, buôn bán vật liệu xây dựng	120.000.000.000	119.400.000.000	99,50%
Công ty Cổ phần AMD Khoáng sản	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Khai thác, kinh doanh và chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng	150.000.000.000	120.000.000.000	80,0%

▪ Danh sách công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực hoạt động chính	Vốn điều lệ đăng ký/vốn điều lệ thực góp (đồng)	Vốn đang ký/vốn thực góp của FLC AMD (đồng)	Tổng tỷ lệ sở hữu của FLC AMD (%)
Công ty CP Dịch vụ Pháp Việt	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đĩnh 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	Đầu tư xây dựng khu trung tâm thể thao, kinh doanh các dịch vụ thể thao	100.000.000.000	44.775.000.000	44,78%
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Việt Bi	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đĩnh 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	Sản xuất và kinh doanh thương mại	80.000.000.000	27.860.000.000	34,83%
Công ty CP Đầu tư VIP ROYAL	Số 1, ngách 1/10 ngõ 1 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Đầu tư, kinh doanh tổng hợp	100.000.000.000	36.000.000.000	36%
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Đồi, thị trấn Yên Lạc, Huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Đầu tư xây dựng phát triển dự án khu nghỉ sinh thái, nhà hàng và kinh doanh thương mại	100.000.000.000	40.000.000.000	40%

V. Định hướng phát triển

1. Các mục tiêu chủ yếu

FLC AMD đặt ra các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Trở thành thương hiệu đá tự nhiên dẫn đầu Việt Nam cả thị trường trong nước cũng như thị trường xuất khẩu. Cung cấp các sản phẩm đạt qui chuẩn, chất lượng tốt, giá cả hợp lý. Đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.

- Phát triển toàn diện về tài chính, nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất tiên tiến, bảo vệ môi trường, nâng cao mức sống và chế độ đãi ngộ đối với người lao động.

- Chia sẻ tinh thần và thành quả vật chất với cộng đồng và xã hội. Góp phần tạo nên sự gắn kết và nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng, mang lại sự phồn vinh cùng đất nước, phần đầu là một công ty luôn có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường.

- Hoàn thiện và đưa vào vận hành Trung tâm ương tạo công nghệ và Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đầu tiên, quy mô lớn nhất tại Việt Nam do tư nhân vận hành;

- Hoàn thiện và đưa vào vận hành dự án Đầu tư xây dựng khu kinh doanh tổng hợp xăng dầu, VLXD và trạm dừng đỗ xe tại Bắc Ninh.

- Tiếp tục duy trì và phát triển Viện Quản lý và Phát triển Châu Á là đơn vị tư vấn phát triển có uy tín hàng đầu Việt Nam và trong khu vực.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng các mỏ và hoàn thiện lắp đặt dây chuyền sản xuất đá tự nhiên tại Thanh Hóa nhằm tăng công suất khai thác, sản xuất.

- Đầu tư và phát triển hệ thống phân phối đá tự nhiên AMDStone thị trường trong nước cũng như thị trường xuất khẩu.

- Phát triển và bảo vệ thương hiệu AMDStone, hoạch định chiến lược phù hợp nhu cầu thị trường và chiến lược cạnh tranh hiệu quả.

- Phát huy tối đa các lợi thế của các hoạt động kinh doanh hiện tại, tập trung nguồn lực đẩy mạnh các dự án đang triển khai.

- Tập trung công tác quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.

- Tổ chức huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường tốc độ luân chuyển các dòng vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn. Tạo cơ chế tự chủ về nguồn vốn đối với các đơn vị kinh doanh trực tiếp.

- Kiện toàn và phát triển đội ngũ nhân sự. Tiếp tục thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Cải cách cơ bản chế độ lương, thưởng và phúc lợi trong Công ty, kết hợp với chế độ đãi ngộ thỏa đáng và tạo môi trường làm việc thuận lợi để tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết khả năng của mình.

- Tăng cường tìm kiếm, tiếp cận thị trường, nhất là những thị trường mới. Lựa chọn các đối tác nước ngoài có tiềm lực mạnh để hợp tác chiến lược nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trong nước, đồng thời từng bước chinh phục thị trường khu vực và thế giới.

- Phát triển công tác đoàn thể và công tác xã hội, tiếp tục duy trì và phát huy công tác tuyên truyền vận động nhân viên tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần cho nhân viên.

3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Đổi mới công nghệ khai thác chế biến đá theo chiều hướng nâng cao năng suất, thân thiện với môi trường.

- Đưa AMDStone trở thành một thương hiệu nổi tiếng trong khu vực và thế giới trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá, đặc biệt là đá tự nhiên.
- Phát triển văn hóa công ty, tạo môi trường làm việc vững mạnh, đào tạo nguồn lao động kỹ thuật cao trong công ty, nâng cao thu nhập và chế độ cho người lao động.

VI. Các rủi ro

1. Rủi ro từ góc độ quản lý Nhà nước

Các rủi ro này bao gồm: tốc độ tăng trưởng kinh tế, việc ngân hàng thay đổi lãi suất, lạm phát, sự thay đổi của pháp luật ...

2. Rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty

Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực liên quan đến khai thác và chế biến khoáng sản, đào tạo, tư vấn, nghiên cứu khoa học quản lý và ứng dụng công nghệ cao nên chịu một số ảnh hưởng nhất định trong môi trường sản xuất kinh doanh đặc thù. Cụ thể:

- Đối với lĩnh vực khoáng sản: Rủi ro cạnh tranh gay gắt với sản phẩm đá Trung Quốc. Sản phẩm đá granite, marble và blue stone của Việt Nam gặp phải sự cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm đá của Trung Quốc - chiếm đến 80% kim ngạch nhập khẩu đá ốp lát. Đá nhập khẩu Trung Quốc được lợi thế về màu sắc phong phú, giá bán khá linh hoạt từ phân khúc cấp thấp đến phân khúc cấp cao. Mặc dù quy định mức tính thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm đá granite thành phẩm ở mức 17% - 20%, tuy nhiên lượng nhập khẩu vẫn gia tăng mạnh.

Rủi ro của ngành trong tương lai là sự cạnh tranh của các sản phẩm thay thế - đá nhân tạo với công nghệ ngày càng phát triển và chất lượng được cải tiến đáng kể.

- Đối với lĩnh vực tư vấn đào tạo, nghiên cứu khoa học quản lý và ứng dụng khoa học công nghệ cao: Rủi ro về nguồn nhân lực và chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn khi nền kinh tế đang trên đà phát triển. Đồng thời, Công ty có thể gặp rủi ro trong vấn đề cạnh tranh nguồn khách hàng đối với các trung tâm nghiên cứu, đào tạo của các trường đại học lớn hoặc của các Bộ, ngành chuyên môn.

Để hạn chế tối đa các rủi ro đặc thù, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD đã đưa ra các chính sách hợp lý như:

- Hoạch định chiến lược đầu ra cho các sản phẩm đá của Công ty đã được ban lãnh đạo đặc biệt chú trọng ngay từ khâu đầu tư công nghệ khai thác, chế biến đá.
- Áp dụng chế độ đãi ngộ hợp lý, tạo môi trường nghiên cứu và làm việc thân thiện sáng tạo giúp các chuyên gia và các tư vấn viên phát huy hết được năng lực của mình, do đó đội ngũ của Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ.
- Nghiên cứu thị trường kỹ càng, đánh giá đối thủ cạnh tranh cũng như tâm lý nhu cầu của khách hàng, lựa chọn dòng sản phẩm cũng như đảm bảo chất lượng sản phẩm, các dịch vụ hậu mãi phù hợp với khách hàng.

3. Rủi ro khác

Các sự kiện bất khả kháng, các rủi ro trong quá trình thi công như: tai nạn lao động hay các sự cố trong quá trình thi công. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên và bảo hiểm công trình, mua bảo hiểm xây dựng tại các công ty bảo hiểm có uy tín tại Việt Nam.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Về thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận

Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh của FLC AMD năm 2017 đã đạt được kết quả rất đáng khích lệ. Cụ thể là:

Chỉ tiêu (1)	Thực hiện (2)	Kế hoạch (3)	Tỷ lệ hoàn thành (4) = (2)/(3)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.087.773.904.635	1.500.000.000	139,2%
Lợi nhuận sau thuế	41.148.859.322	70.000.000.000	59,2%

Năm 2017, FLC AMD đã chính thức đạt mức doanh thu là 2.087 tỷ đồng, tăng 150,97 % so với năm 2016 và đạt 139,2% so với kế hoạch năm 2017 đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 41,1 tỷ, bằng 94,81% so với năm 2016 và đạt 59.2% so với kế hoạch.

Xét về doanh thu, năm 2017 FLC AMD có nhiều sự thay đổi do công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, ký kết được nhiều hợp đồng như: Mua bán máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng và cung cấp các sản phẩm đá do công ty sản xuất vào các công trình lớn. Về lợi nhuận, so với kế hoạch đã trình ĐHCĐ thường niên năm 2017, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 59.2% xuất phát từ việc FLC AMD huy động đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, mở rộng nhà xưởng tại các dự án khai thác mỏ tăng lên làm tăng chi phí tài chính dẫn đến lợi nhuận công ty giảm so với năm 2016.

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	0	0
2	Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Phạm Thị Lệ Thủy	Phó Tổng Giám đốc	0	0
5	Ngô Công Chính	Phó Tổng Giám đốc	0	0
6	Trần Thị Thúy Liễu	Kế toán trưởng	0	0

Tóm tắt lý lịch của các thành viên trong Ban điều hành:

a) Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Họ và tên khai sinh: Nguyễn Tiến Dũng
- CMND số: 011789018 cấp ngày 24/11/2010 tại Công an Hà Nội.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1975
- Nơi sinh: Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú hiện nay: Tổ 17, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn (ghi rõ khóa học): Cử nhân kinh tế.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh, trình độ C.
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 9/1996 đến tháng 12/2003: Nhân viên kế toán Công ty thi công cơ giới 144 - Tổng công ty xây dựng Trường Sơn;
 - + Từ tháng 01/2004 đến tháng 12/2004: Nhân viên kế toán Xí nghiệp thi công cơ giới 144 - Công ty xây dựng 99 - Tổng công ty xây dựng Trường Sơn;
 - + Từ tháng 01/2005 đến tháng 9/2006: Nhân viên kế toán Xí nghiệp 469 - Tổng công ty xây dựng Trường Sơn;
 - + Từ tháng 10/2006 đến tháng 10/2010: Kế toán trưởng các Ban điều hành dự án thuộc Tổng công ty xây dựng Trường Sơn: Ban điều hành dự án đường Nội Bài - Bắc Ninh, Ban điều hành dự án cầu S2 Nam Định, Ban điều hành dự án đường 5 kéo dài, Ban điều hành dự án đường Trường Sơn Đông, Ban điều hành dự án đường tuần tra biên giới, Ban điều hành dự án PK2 Quốc lộ 3 mới;
 - + Từ tháng 10/2010 đến tháng 5/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư tài chính Ninh Bắc, Giám đốc Công ty TNHH MTV FLC Land, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần tập đoàn FLC;
 - + Từ tháng 6/2013 đến tháng 9/2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Liên doanh đầu tư Quốc tế KLF đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty xây dựng và đầu tư hạ tầng Vĩnh Hà đến tháng 4/2015, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần tập đoàn FLC;
 - + Từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2015: Chuyên viên Ban kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Tập đoàn FLC, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần tập đoàn FLC;

- + Từ tháng 10/2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Faros (Nay là Công ty cổ phần xây dựng FLC Faros), Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần tập đoàn FLC;
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu chiếm 0%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không

b) Ông Ngô Công Chính – Phó tổng giám đốc

- Họ và tên: NGÔ CÔNG CHÍNH
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 19/09/1967
- Nơi sinh: Nam Định
- Số CMTND: 036067000022 cấp ngày 20/02/2014 nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trục Đạo, Trục Ninh, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 78, ngách 241/61 Phố chợ Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý hành chính công
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 1989 – 1992	Quân đội	Cán bộ kỹ thuật
▪ Từ 1992 – 1993	Công ty Petroleum Technical Services	Kỹ thuật viên thông tin
▪ Từ 1993 – 2000	Tổ chức Holt International Children's Services tại Việt Nam	Chánh văn phòng (1993-1995); Trợ lý trưởng đại diện (1995-2000)
▪ Từ 2000 – 2006	Tổ chức Cứu trợ trẻ em Mỹ tại Việt Nam	Quyền PGĐ Hành chính/Tài chính (2006) Chánh văn phòng (2000-2004)

- | | | |
|------------------|--|--|
| | | Điều phối viên (2004 – 2006) |
| ▪ Từ 2008 – 2009 | Tổ chức Pathfinder Quốc tế tại Việt Nam | Phó trưởng đại diện |
| ▪ Từ 2009 – nay | Viện Quản lý và Phát triển Châu Á | Viện trưởng |
| ▪ Từ 2014 – nay | Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD | Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc |
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Phó Tổng giám đốc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Viện trưởng – Viện Quản lý và Phát triển Châu Á
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu chiếm 0%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
 - Các khoản nợ đối với công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không
- c) Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Phó tổng giám đốc
- Họ và tên: PHẠM THỊ LỆ THỦY
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 29/01/1976
 - Nơi sinh: Hà Nội
 - Số CMND: 011860946 Ngày cấp: 08/01/2004 Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam 7/ Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Số 07 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội
 - Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó tổng Giám đốc
 - Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu chiếm 0%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không
- d) Ông Nguyễn Ngọc Tú – Phó tổng giám đốc
 - Họ và tên khai sinh: Nguyễn Ngọc Tú
 - CMND: 111229737 do Công an Hà Nội cấp ngày: 15/3/2007
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 07/11/1977
 - Địa chỉ thường trú hiện nay: Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội
 - Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (hệ chính quy, niên khóa 1995-1999)
 - + Cử nhân quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội (hệ chính quy, niên khóa 1997-2011)
 - + Chứng chỉ Kế toán trưởng, 2011
 - + Chứng chỉ Quản lý dự án, AITCV, 2009
 - + Chứng chỉ Quản lý tài chính dự án, AITCV, 2009
 - + Chứng chỉ tin học nâng cao, 2009
 - + Chứng chỉ quản lý đấu thầu, Bộ TC, 2007
 - Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (đại học), tiếng Trung (cơ bản)
 - Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp từ năm 18 tuổi):
 - + Từ 1995 - 1999: Sinh viên Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
 - + Từ 1997 - 2001: Sinh viên Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
 - + Từ 2001 - 2002: làm việc tại Công ty du lịch Sinh Cafe
 - + Từ 2002 - 2004: Chánh văn phòng/Phiên dịch Văn phòng tư vấn Dự án đường xuyên Á do ADB tài trợ (Bộ GTVT)
 - + Từ 2004 - 2005: Cán bộ dự án, Dự án CBRIP do WB tài trợ (Bộ KH & ĐT)
 - + Từ 2005 - 2006: Cán bộ dự án, Văn phòng đại diện tại Hà Nội Công ty TTT (New Zealand)
 - + Từ 2006 - 2009: Cán bộ dự án, Dự án ETV2 do EU tài trợ (Bộ Tài chính)
 - + Từ 2009 - 2010: Cán bộ tài chính dự án, Dự án VCF do WB tài trợ, Văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty tư vấn The IDLGroup (Anh)
 - + Từ 2010 - 2014: Chánh văn phòng, Văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty tư vấn The IDLGroup (Anh)
 - + Từ 2014 - 2016: Trưởng Ban phát triển dự án (1/2016-12/2016), Phó ban PTDA (1/2015-12/2015), Cán bộ dự án (7/2014-12/2014), Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (thuộc FLC AMD)

- + Từ 1/2017 - đến nay: Phó TGD, Công ty Cổ phần Dầu tư và Khoáng sản FLC AMD
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu chiếm 0%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không
- e) Bà Trần Thị Thúy Liễu – Kế toán trưởng
 - Họ và tên: Trần Thị Thúy Liễu
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 13-01-1981
 - Nơi sinh: Can Lộc- Hà Tĩnh
 - Số CMND: 042181000006
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Số 14/56 đường Lê Văn Hiến, P.Đức Thắng, Q.Bắc Từ Liêm, TP HN
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 2004 đến 2011: Công ty TNHH SMS Việt Nam
 - + Từ 2011 đến 2017: Công ty cổ phần tập đoàn Đại Châu
 - Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu chiếm 0%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
 - Các khoản nợ đối với công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không

2. Những thay đổi trong ban điều hành

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ	Lý do thay đổi	Thời điểm có hiệu lực
1	Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Miễn nhiệm	12/06/2017
2	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Bổ nhiệm	12/06/2017
3	Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm	10/07/2017
4	Đinh Đặng Thủy Anh	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng kiêm người ủy quyền CBTT	Miễn nhiệm	01/08/2017
5	Ngô Công Chính	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm	2/1/2014
6	Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm	17/08/2017
7	Phạm Thị Lệ Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm	06/12/2017
8	Đinh Đặng Thủy Anh	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng kiêm người ủy quyền CBTT	Miễn nhiệm	01/08/2017
9	Nguyễn Mạnh Hiệp	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm	05/10/2017
10	Trần Thị Thúy Liễu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm	05/10/2017

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Năm 2017, nhân sự của toàn hệ thống của FLC AMD khoảng hơn 300 lao động.

Chính sách đào tạo

FLC AMD đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực. Tất cả CBNV mới gia nhập Công ty đều được đào tạo định hướng để có những hiểu biết cần thiết về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, tầm nhìn, văn hóa làm việc trong tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Bên cạnh việc tự tổ chức các chương trình đào tạo, huấn luyện bổ sung các kỹ năng cần thiết cho nhân viên, FLC AMD đã cử cán bộ tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn tại các cơ sở đào tạo có uy tín.

Chính sách phúc lợi

FLC AMD đã xây dựng chính sách lương, thưởng theo kết quả hoàn thành công việc, chi tiêu được giao nhằm động viên, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho các hoạt động của Công ty.

Công ty thường xuyên thực hiện đánh giá năng lực, ý thức, kết quả thực hiện công việc và mức độ đóng góp của CBNV cho sự phát triển của Công ty để áp dụng chính sách khen thưởng phù hợp như khen thưởng vượt tiến độ; có sáng kiến cải tiến trong công việc; hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Công ty tặng quà vào những sự kiện quan trọng của mỗi cá nhân như sinh nhật, kết hôn, sinh con; các dịp lễ.

Công ty cũng có chính sách đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ để chăm lo, vun đắp đời sống tinh thần và thể chất cho cán bộ, nhân viên. Công ty cũng thường xuyên tổ chức hoạt động thi đấu bóng đá, tennis, team building, hoạt động biểu diễn văn nghệ thực sự đã nâng cao đời sống tinh thần, rèn luyện thể chất và gắn kết giữa CBNV. Hàng năm, FLC AMD cũng phát động đến các CBNV cùng nhau tham gia chương trình thiện nguyện, cứu trợ, cấp phát lương thực, quần áo ấm, sách vở cho các trung tâm bảo trợ xã hội, các vùng bị thiên tai lũ lụt, các hộ nghèo tại vùng sâu vùng xa trên khắp cả nước.

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Trong năm 2017, Công ty đã tiến hành việc chuẩn bị, hợp tác và đưa một số dự án lớn vào hoạt động:

Dự án Mở đá xây dựng tại Thanh Hóa

- Trong hai quý đầu năm 2017, FLC AMD đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng Nhà máy khai thác và sản xuất các sản phẩm từ đá tại núi Loáng xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và nhà máy núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, đồng thời đang tập trung đẩy mạnh đầu tư xây dựng nhà máy còn lại tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nhà máy đi vào hoạt động, dự kiến tổng công suất sản xuất đạt khoảng 1 triệu m²/năm.
- Mở đá và nhà máy tại Núi Loáng: thuộc địa phận xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, có điều kiện khai thác, vận chuyển thuận lợi. Tổng diện tích mỏ 8,7 ha, trong đó diện tích khu vực khai thác khoảng 6,0 ha, diện tích khu vực khai trường khoáng 2,7 ha. Mỏ đá Núi Loáng có trữ lượng trên 1,8 triệu m³, bao gồm đá cẩm thạch nguyên nguyên khối, đá trang trí cao cấp và đá xây dựng chất lượng cao với nhiều mẫu mã và màu sắc độc đáo. Nhà máy chế tác và sản xuất các sản phẩm từ đá với diện tích khoảng 2,0 ha.

Các sản phẩm chủ yếu được khai thác tại mỏ đá núi Loáng gồm:

- Đá cẩm thạch đánh bóng
- Đá mỹ nghệ, đá trang trí
- Đá xây dựng
- Tranh đá

- Mỏ đá và nhà máy núi Bền: thuộc địa phận xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích khoảng 7,638 ha; trong đó diện tích khu vực khai thác khoảng 6,0 ha; diện tích khu vực khai trường khoảng 1,638 ha. Mỏ đá Núi Bền có trữ lượng khoảng 2,4 triệu m³, bao gồm đá nguyên khối dùng đá mỹ nghệ và đá xây dựng chất lượng cao... Nhà máy chế tác và sản xuất đá mỹ nghệ với diện tích khoảng 1,0 ha.

Các sản phẩm chủ yếu được khai thác tại mỏ đá núi Bền gồm:

- Đá mỹ nghệ cao cấp
 - Đá ghi sáng
 - Đá ốp lát
 - Đá xây dựng
- Mỏ đá núi Ác Sơn: thuộc địa phận xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích khoảng 8,5 ha; trong đó diện tích khu vực khai thác khoảng 6,0 ha; diện tích khu vực khai trường khoảng 2,5 ha. Mỏ đá Núi Ác Sơn có trữ lượng khoảng 2,8 triệu m³, bao gồm đá nguyên khối dùng làm đá ốp lát và đá trang trí cao cấp ...

Các sản phẩm chủ yếu được khai thác tại mỏ đá núi Ác Sơn gồm:

- Đá xanh rêu
- Đá mỹ nghệ
- Đá trang trí cao cấp
- Đá ốp lát

Dự án Tổ hợp Uơm tạo Công nghệ và Đào tạo Nguồn nhân lực chất lượng cao

Dự án Tổ hợp Uơm tạo Công nghệ và Đào tạo Nguồn nhân lực chất lượng cao tại Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm có diện tích 2,2 ha nằm trên ba mặt đường trong đó đường Trần Hữu Dực là trục đường chính của quận Nam Từ Liêm, kết nối các khu đô thị, trung tâm thương mại và hành chính của quận sẽ được sử dụng để xây dựng một Trung tâm uơm tạo công nghệ đẳng cấp khu vực. Hiện tại, dự án đã làm xong toàn bộ phần hạ tầng và các thủ tục pháp lý để đón đầu cho tuyến đường Trần Hữu Dực mở ra và triển khai việc xây dựng các hạng mục công trình tiếp theo. Đây là dự án trọng điểm của FLC AMD trong những năm tiếp theo, với tổng mức đầu tư khoảng hơn 500 tỉ đồng, đòi hỏi phải tập trung và ưu tiên nguồn lực để thực hiện thành công dự án này.

Dự án Khu nhà nghỉ, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại

Dự án do Công ty Cổ phần DECO HOUSE là một đơn vị thành viên của FLC AMD triển khai để xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại tại trung tâm của huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Dự án là sự kết hợp giữa các hoạt động thương mại, kết hợp với các hoạt động nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, là

một bước chuyển đổi trong việc phát triển, hình thành một tổ hợp thương mại dịch vụ quảng bá các sản phẩm nông sản đến người tiêu dùng. Với quy mô 7.200 m², dự án sẽ là một không gian giao lưu văn hóa, một điểm vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng tiện lợi, hiện đại nhất tại huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Dự án Trạm kinh doanh xăng dầu, cửa hàng VLXD và trạm dừng nghỉ

Dự án nằm trên tuyến đường tỉnh lộ 287 tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh do Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đông Sơn – Công ty con của FLC AMD làm chủ đầu tư. Tuyến đường tỉnh lộ 287 là tuyến giao thông huyết mạch của tỉnh Bắc Ninh với lưu lượng các phương tiện qua lại rất lớn, dự án Bãi đỗ xe, dịch vụ VLXD, kết hợp du lịch sinh thái với quy mô 20.000 m² sẽ đáp ứng tối đa nhu cầu thiết yếu về nhiên vật liệu cho người dân tại địa phương và Hà Nội. Hiện nay, dự án đã được UBND tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kinh doanh trạm xăng dầu, cửa hàng bán VLXD và trạm dừng nghỉ tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du và đang thực hiện các bước tiếp theo để kịp đưa dự án vào hoạt động năm 2017.

Dự án Trung tâm thể thao Pháp Việt

Với việc định hướng cho Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đông Sơn đầu tư vào Công ty cổ phần Dịch vụ Pháp Việt - đơn vị đang sở hữu dự án Khu trung tâm thể thao Pháp Việt có diện tích 2,2 ha tại Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội nên hiện nay FLC AMD đang gián tiếp điều phối triển khai dự án này. Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư và đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng. Dự kiến dự án sẽ đi vào hoạt động năm 2018.

2. Tóm tắt về hoạt động của các công ty con

2.1. Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (Viện AMDI)

Năm 2017, Viện AMDI đạt doanh thu 36,1 tỷ đồng đạt 122% so với năm 2016 và lợi nhuận 1.97 tỷ đồng tăng 109% so với năm 2016.

Có được những kết quả trên là sự nỗ lực của toàn bộ CBCNV của Viện AMDI qua việc triển khai thành công các dự án đã trúng thầu các dự án lớn như: Dự án “Hành lang bảo tồn đa dạng sinh học tiền vùng Mê Công mở rộng”; Dự án “Tăng cường kỹ năng nghề” do ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Việt Nam tài trợ; Dự án “Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp”...

Bên cạnh đó là nỗ lực của Ban lãnh đạo, Hội đồng thành viên trong việc kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao vai trò kiểm soát, quản trị rủi ro và tối đa hóa các lợi thế cạnh tranh của đơn vị nhằm giảm tối đa chi phí hoạt động để tăng Lợi nhuận. Vì vậy, cả doanh thu và lợi nhuận của Viện năm 2017 đều tăng so với năm 2016.

2.2. Công ty cổ phần AMD Smart (Công ty AMDS)

Việc mua và chiếm tỷ lệ chi phối Công ty AMDS nằm trong kế hoạch phát triển chiến lược lâu dài của FLC AMD về lĩnh vực công nghệ, phần mềm. Trước mắt, AMDS tập trung nghiên cứu những sản phẩm đón đầu các dự án tương lai.

Trong năm 2017, AMDS cũng đã triển khai thành công một số sản phẩm kết hợp cùng với các đối tác mang lại nguồn doanh thu hơn 2,4 tỷ đồng và lợi nhuận là 333 triệu đồng. Các khách hàng tiềm năng đang là đối tác của AMDS như: Toyota, Mercedes, Mazda, Audi, Nissan... các sân Golf, các dự án bãi đỗ xe thông minh...

2.3. Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Đông Sơn

Công ty Đông Sơn được thành lập với mục tiêu triển khai dự án đầu tư, kinh doanh trạm xăng dầu, cửa hàng bán VLXD và trạm dừng nghỉ tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên để có kinh nghiệm trong kinh doanh, đồng thời có thêm nguồn lực để triển khai dự án, Công ty đã chủ động mở ra hướng kinh doanh thương mại liên quan đến vật liệu xây dựng, mua bán máy móc thiết bị và thiết bị y tế khác... Kết thúc năm 2017, Công ty đã đạt doanh thu là hơn 708 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 36,5 tỷ đồng. Đây là kết quả đáng ghi nhận đối với một Công ty mới thành lập và phát triển như Đông Sơn.

2.4. Công ty cổ phần AMD Khoáng sản (AMD Khoáng sản)

Công ty Cổ phần AMD Khoáng sản được thành lập với mục đích chiến lược là: kênh phân phối chính cho các sản phẩm Đá tự nhiên của FLC AMD và cũng chính là Công ty Mẹ.

Với vai trò này, AMD khoáng sản sẽ đóng vai trò kênh phân phối và cũng là kênh thu mua trung gian của Công ty Mẹ các sản phẩm Đá tự nhiên và sản phẩm Đá khác để cung cấp lại cho các Dự án lớn theo đơn đặt hàng của Công ty Mẹ. Tuy mới đi vào hoạt động chưa lâu nhưng AMD khoáng sản bước đầu đã đóng góp vào Doanh thu hợp nhất của Tập đoàn là hơn 18 tỷ đồng với Lợi nhuận trước thuế là hơn 2,5 tỷ đồng.

Việc chuyên môn hóa khâu thương mại trong quá trình khai thác, sản xuất và phân phối là xu thế chung của các Tập đoàn lớn nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của từng khâu trong cả bộ máy, từ đó sẽ nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, giảm thiểu rủi ro và đem lại lợi nhuận cao hơn cho Tập đoàn.

IV. Tình hình tài chính

1. Tình hình thực hiện so với năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017	Tỷ lệ tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	1.305.606.890.629	1.258.235.763.210	96.37
Doanh thu thuần	1.382.929.835.111	2.087.753.936.635	150.97
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	57.830.245.549	60.425.395.678	104.49
Lợi nhuận khác	512.519.125	(2.287.953.983)	- 446.41
Lợi nhuận trước thuế	58.342.764.674	58.137.441.695	99.65
Lợi nhuận sau thuế	43.401.649.627	41.148.859.322	94.81
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 41.148.859.322 đồng, giảm bằng 94,81% so với năm 2016 do năm 2017. Doanh thu của năm 2017 tăng là do trong năm công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, ký kết được nhiều hợp đồng như: Mua bán máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng và cung cấp các sản phẩm đá do công ty sản xuất ra vào các công trình lớn, cũng trong năm này các hoạt động đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, mở rộng nhà xưởng tại các dự án khai thác mỏ tăng lên làm tăng chi phí tài chính dẫn đến lợi nhuận công ty giảm so với năm 2016. Kết quả kinh doanh năm 2017 đã phản ánh nỗ lực của toàn Công ty trong bối cảnh nền kinh tế và các doanh nghiệp đang trải qua thời kỳ khó khăn hiện nay.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.70	1.89	1.84
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1.40	1.55	1.50

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.44	0.31	0.37
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.78	0.46	0.58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u>	11.65	13.57	14.54
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.06	1.20	1.66
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.03	0.02	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.06	0.04	0.05
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.03	0.03	0.03
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.04	0.03	0.03

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần

a. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2017

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 64.878.394 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 64.878.394 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần

b. Tính đến tháng 4/2018

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 163.504.874 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 94.304.874 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của người sở hữu: 69.200.000 cổ phần

2. Cơ cấu Cổ đông Công ty tính đến thời điểm ngày 11/12/2017

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu %
I	Cổ đông trong nước	3499	64.656.914	646.569.140.000	99,66
1	Cổ đông tổ chức	24	4.136.945	41.369.450.000	6,38
2	Cổ đông cá nhân	3475	60.159.969	601.599.690.000	93,28
II	Cổ đông nước ngoài	21	221.480	2.214.800.000	0,34
1	Cổ đông tổ chức	3	10.900	109.000.000	0,02
2	Cổ đông cá nhân	18	210.850	2.108.500.000	0,32
III	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0
IV	Cổ đông lớn	1	7.700.000	77.000.000.000	11,87
V	Cổ đông nhỏ	3519	57.178.394	571.783.940.000	88,13

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 11/12/2017 của TTLKCK VN)

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2017, vốn đầu tư của chủ sở hữu biến động như sau:

Tháng 3/2017 Công ty đã phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn thành công. Ngày 26/04/2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ công ty từ 623.999.360.000 đồng lên 648.783.940.000 đồng.

Ngày 22/11/2017, Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 78/GCN-UBCK cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD, đồng ý cho Công ty chào bán ra công chúng 101.756.788 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD nhận Công văn số 620/UBCK-QLCB Về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 78/GCN – UBCK. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD đã chào bán thành công 98.626.480 cổ phiếu. Công ty đã hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này.

Ngày 13.02.2018, Công ty đã hoàn tất thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ của công ty từ 648.783.940.000 lên 1.635.048.740.000 đồng.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không có*

6.2. *Tiêu thụ năng lượng: Không có*

6.3. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): Không có*

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động năm 2017 hơn 300 người với mức lương bình quân khoảng gần 10.000.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ nghỉ phép năm, nghỉ ốm đau, thai sản cho người lao động theo quy định của Luật Lao động. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm và du lịch nghỉ dưỡng 01 lần/năm cho cán bộ nhân viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo chung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hiện nay hoạt động đào tạo cán bộ nhân viên của Công ty được thực hiện dưới hai hình thức: đào tạo nội bộ và gửi cán bộ nhân viên tham dự các khóa đào tạo, tập huấn bên ngoài. Số giờ đào tạo trung bình năm 2017 là 72 giờ/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty thường xuyên có các chương trình đào tạo, tập huấn giúp cán bộ nhân viên nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý và các kỹ năng mềm khác.

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*

Trong năm 2017, FLC AMD thực hiện nhiều hoạt động xã hội và từ thiện, như: Tặng quỹ người nghèo huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa: 200.000.000 đồng.

6.7. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có*

C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 kết thúc với nhiều biến động lớn của Chính trị thế giới như: Bầu cử Tổng thống Mỹ, Anh rút khỏi liên minh Châu Âu, nội chiến ở Syria và vấn đề “Biến đổi khí hậu toàn cầu” chưa bao giờ hết nóng...., tất cả điều này đã tạo ra một bức tranh kinh tế “âm ảm” trên Toàn cầu. Cụ thể, chỉ số tăng trưởng toàn cầu chỉ đạt 2,4%, giảm mạnh so với mức 2,9% hồi cuối năm 2015. Và nền kinh tế Việt Nam cũng không đứng ngoài xu thế chung đó.

Do đó, ngay từ đầu năm 2017, FLC AMD đã đề ra những nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể cho năm 2017 và những giải pháp để triển khai. Với việc định hướng lại mục tiêu ngành nghề cốt lõi là khai thác và chế biến Khoáng sản, FLC AMD đã tập trung vào việc đầu tư xây dựng nhà máy khai thác và chế biến Đá tự nhiên.

Cụ thể, FLC AMD đã hoàn thành và đưa vào hoạt động khai thác Nhà máy sản xuất và chế tác đá tự nhiên tại Núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và Nhà máy tại Núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bên cạnh đó, FLC AMD cũng xin cấp phép mở rộng khai thác đá xây dựng tại mỏ Núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, xin cấp phép khai thác tại mỏ núi Ác Sơn (xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa); xin cấp quyền thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng tại Tân Hợp (Tân Kỳ, Nghệ An), Cao Ngọc (Ngọc Lặc, Thanh Hóa), (Triệu Sơn, Thanh Hóa)

Đồng thời, FLC AMD cũng tập trung đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống phân phối, các kênh tiêu thụ và đã ký được những hợp đồng cấp đá tự nhiên cho các dự án lớn cũng như hình thành hệ thống Đại lý trên quy mô cả nước, xuất khẩu đá ra nước ngoài.

Với nhiều mục tiêu được đặt ra trong năm 2017, FLC AMD đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu đặt ra, trừ mục tiêu Lợi nhuận đã đăng ký với Đại hội đồng cổ đông, do tập trung nguồn lực vào đầu tư xây dựng Nhà máy.

II. Tình hình tài chính

Với định hướng trở thành một tập đoàn có tiềm lực mạnh, lấy ngành khai thác và chế tác đá tự nhiên làm mũi nhọn để xây dựng một thương hiệu Đá tự nhiên được tin dùng trong nước và từng bước vươn ra thị trường quốc tế. Năm 2017, Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD đã dần khẳng định được sự lớn mạnh về tiềm lực kinh tế với tổng tài sản Hợp nhất tại ngày 31/12/2017 là 1.258 tỷ đồng. Với các chỉ số tài chính lành mạnh như chỉ số khả năng thanh toán, chỉ tiêu về cơ cấu vốn, khả năng sinh lời đều tốt và được các Ngân hàng lớn xếp hạng tín dụng A. Tất cả những chỉ số đó đều phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của FLC AMD đang rất ổn định và ngày càng phát triển.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2017, Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD đã có những bước ngày càng hoàn thiện cơ cấu nhân sự cũng như tổ chức bộ máy, tinh giảm gọn nhẹ, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc của cán bộ nhân viên trong công ty.

FLC AMD cũng từng bước ổn định về mô hình tổ chức sau khi hoàn thành việc tái cấu trúc, tăng tỷ lệ sở hữu trong các đơn vị có tiềm năng phát triển.

Tăng cường công tác quản lý bằng việc hoàn thiện hệ thống quy chế của Công ty, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty.

IV. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch phát triển năm 2017

- Tập trung đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng các Mô và nhà máy để sớm đưa vào vận hành khai thác và có sản phẩm đầu ra ngay nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Một mặt vẫn phải đảm bảo được chất lượng công trình qua khâu quản lý đầu tư xây dựng khắt khe và đúng quy trình.

- Xây dựng và phát triển ngay hệ thống phân phối, tích cực tìm kiếm nguồn khách hàng, xây dựng hệ thống đại lý để từng bước mở rộng thị trường và thị phần cho Công ty. Song song việc đầu tư xây dựng nhà máy và việc làm thị trường sẽ tăng hiệu quả sử dụng vốn do rút ngắn thời gian đầu tư và làm thị trường.

Bên cạnh đó là phải phát triển và bảo vệ thương hiệu AMDStone đồng thời với hoạch định một chiến lược cạnh tranh hiệu quả nhằm từng bước thay đổi thói quen tiêu dùng của người Việt với những sản phẩm trong nước cũng là một giải pháp tăng thị phần cho AMDStone.

- Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường tốc độ luân chuyển các dòng vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn. Nâng cao hiệu quả tiếp cận thị trường vốn trong nước, đặc biệt là thông qua thị trường chứng khoán phục vụ nhu cầu đầu tư kinh doanh.

- Năm 2017, công ty nhân rộng mô hình khoán trên toàn bộ các lĩnh vực kinh doanh của FLC AMD và các đơn vị thành viên, theo đó sẽ áp dụng cơ chế áp chi tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận để tạo cơ chế gắn chặt quyền lợi người lao động với kết quả kinh doanh của đơn vị, nâng cao hơn nữa năng suất lao động và đời sống cán bộ nhân viên. Tạo cơ chế tự chủ về nguồn vốn đối với các đơn vị kinh doanh trực tiếp.

- Tăng cường tìm kiếm, tiếp cận thị trường, nhất là những thị trường mới. Lựa chọn các đối tác nước ngoài có tiềm lực mạnh để hợp tác chiến lược nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trong nước, đồng thời từng bước chinh phục thị trường khu vực và thế giới.

- Tiếp tục chú trọng hơn nữa phát triển công tác đoàn thể và công tác xã hội, tiếp tục duy trì và phát huy công tác tuyên truyền vận động nhân viên tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần cho nhân viên.

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017, Hội đồng quản trị có những ý kiến đánh giá như sau:

- Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm và được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với tình hình thực tế, định hướng tốt cho Ban Giám đốc trong triển khai thực hiện. Kết quả kinh doanh năm 2017 đã phản ánh sự cố gắng, nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty trong tình hình kinh tế hiện nay.

- Việc đầu tư xây dựng Nhà máy khai thác và chế tác đá tự nhiên tại Mỏ Núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa được xây dựng “thần tốc” và hoàn thành trong vòng 45 ngày đêm là kết quả hết sức ấn tượng thể hiện năng lực triển khai của Ban lãnh đạo và sự nỗ lực của toàn thể CBCNV của tập đoàn là rất đáng ghi nhận.

- Các mảng kinh doanh đều đạt và vượt chỉ tiêu doanh thu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đặc biệt là ngành hàng khai thác và phân phối đá xây dựng đã thực hiện được những Hợp đồng lớn với tỷ suất lợi nhuận cao đóng góp lớn vào lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn. Công ty cũng đã ký được những Hợp đồng cung cấp đá vào các Dự án lớn ở Hà Nội và các tỉnh lân cận đã chứng tỏ được hướng đi của HĐQT là rất đúng đắn, bước đầu khẳng định được khả năng chinh phục thị trường của AMDStone.

- Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng nhân sự, tăng năng suất lao động, đảm bảo thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo quy định của pháp luật.

- Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện nhiều hoạt động xã hội và từ thiện, như: Tặng quỹ người nghèo huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa: 200.000.000 đồng.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty đến các phòng ban và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trong năm 2017.

- Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy chế nội bộ mà HĐQT đã ban hành trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh công ty với khách hàng...

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phát huy tối đa lợi thế của các hoạt động kinh doanh hiện tại, tập trung nguồn lực đẩy mạnh các dự án đang triển khai, tăng tiến độ giải ngân của các dự án đã ký kết nhằm mang lại dòng tiền và doanh thu ổn định.
- Chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường mới, phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và xây dựng thương hiệu FLC AMD; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.
- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy Công ty, đặc biệt chú trọng hơn nữa việc tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Tập trung công tác quản trị các nguồn lực Công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.
- Giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty đạt được mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ và phát triển bền vững.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT hiện nay của công ty có 06 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Số thành viên độc lập không điều hành là 02 người. Hội đồng quản trị gồm có:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ sở hữu ngày 31/12/2017	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại Công ty khác	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	10/10/1977	11,87%	- Chủ tịch Hội đồng quản lý Viện Quản lý và Phát triển Châu Á - Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần quản lý quỹ hợp lực	
2	Ông Nguyễn Tiến Dũng	TV HĐQT kiêm TGD	28/09/1975	0	Không	Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2017
3	Bà Vũ Đặng Hải Yến	TV HĐQT không điều hành	29/03/1978	0	- Giám đốc công ty Luật TNHH Smic - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2017
4	Ông Nguyễn Thiện Phú	TV HĐQT không điều hành	17/10/1974	0	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros.	Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2017
5	Ông Lã Quý Hiền	TV HĐQT độc lập	05/04/1977	0	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2017
6	Bà Võ Thị Thùy Dương	TV HĐQT độc lập	18/09/1977	0	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban Nhân sự Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.	Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2017

7	Ông Nguyễn Quốc Trường	TV HĐQT độc lập	13/07/19 60	0		Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2017
8	Ông Ngô Công Chính	TV HĐQT	19/09/19 67	0	Viện trưởng – Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2017
9	Bà Đàm Thị Ngân	TV HĐQT độc lập	12/12/19 79	0		Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2017
10	Bà Đinh Đăng Thủy Anh	TV HĐQT		0		Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2017

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã tổ chức 32 cuộc họp định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các cuộc họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số cuộc họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên HĐQT tham dự. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, các nội dung đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước và tình hình kinh tế – xã hội.

Định kỳ 06 tháng và hàng năm HĐQT đã có báo cáo quản trị gửi UBCK và cổ đông (báo cáo đăng tải tại Website Công ty). Qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2017):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
-----	------------------------------	------	----------

1	01/2017/NQ-HĐQT	09/01/2017	Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
2	02/2017/NQ-HĐQT	09/3/2017	Về xử lý cổ phiếu không chào bán hết và cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
3	03/2017/NQ-HĐQT	14/03/2017	Về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và thông qua việc ký kết các Hợp đồng với Công ty cổ phần AMD Khoáng sản.
4	04/2017/NQ-HĐQT	16/03/2017	Điều chỉnh nội dung về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
5	05/2017/NQ-HĐQT	22/03/2017	Về việc thông qua giới hạn bảo lãnh, tài sản đảm bảo và ủy quyền người đại diện ký các hồ sơ, văn bản với Ngân hàng liên doanh Việt Nga.
6	06/2017/NQ-HĐQT	31/03/2017	Về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên của Công ty năm 2017.
7	07/2017/NQ-HĐQT	19/04/2017	Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi Điều lệ công ty.
8	08/2017/NQ-HĐQT	22/04/2017	Về việc thông qua phương án vay vốn, tài sản bảo đảm ủy quyền người đại diện ký các hồ sơ, văn bản với Ngân hàng liên doanh Việt Nga.
9	09/2017/NQ-HĐQT	24/04/2017	Về việc thông qua phương án vay vốn, danh mục tài trợ vốn lưu động năm 2017 tại BIDV Chi nhánh Hà Thành.
10	10/2017/NQ-HĐQT	25/05/2017	Về việc hủy danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 23/03/2017 và Thông qua ngày đăng ký cuối cùng (mới) để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.
11	11/2017/NQ-HĐQT	12/6/2017	Về việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
12	12/2017/NQ-HĐQT	12/6/2017	Về việc bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

13	13/2017/NQ-HĐQT	19/6/2017	Về việc thông qua thời gian tổ chức và hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
14	01/2017/QĐ-HĐQT	30/03/2017	Về việc bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng và phó phòng kinh doanh.
15	15/2017/NQ-HĐQT	10/7/2017	Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán CK theo ĐHĐCĐ thường niên
16	16/2017/NQ-HĐQT	10/7/2017	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng
17	17/2017/NQ-HĐQT	10/7/2017	Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2017
18	18/2017/NQ-HĐQT	14/7/2017	Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT AMD
19	19/2017/NQ-HĐQT	01/8/2017	Miễn nhiệm PTGD phụ trách tài chính kiêm KTT
20	20/2017/NQ-HĐQT	01/8/2017	Bổ nhiệm Kế toán trưởng
21	21/2017/NQ-HĐQT	01/8/2017	Thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo GCN đăng ký chào bán cổ phiếu số 86/GCN-UBCK
22	22/2017/NQ-HĐQT	10/8/2017	Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng Nhà máy Hoàng Long tại khu CN FLC Hoàng Long
23	23/2017/NQ-HĐQT	10/8/2017	V/v Hợp tác đầu tư dự án và ủy thác đầu tư của AMD
24	24/2017/NQ-HĐQT	10/8/2017	Dính chính thông tin tại nghị quyết 15/2017/NQ-HĐQT
25	25/2017/NQ-HĐQT	17/8/2017	Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Tú giữ chức vụ Phó TGD
26	26/2017/NQ-HĐQT	25/09/2017	Thông qua chủ trương chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con
25	27/2017/NQ-HĐQT	5/10/2017	Miễn nhiệm Kế toán trưởng
28	28/2017/NQ-HĐQT	5/10/2017	Bổ nhiệm Kế toán trưởng

29	30/2017/NQ-HDQT	24/10/2017	Điều chỉnh phương án phát hành tăng vốn điều lệ và tiến độ giải ngân dự kiến với từng hạng mục đầu tư
30	31/2017/NQ-HDQT	31/10/2017	về việc ký kết thực hiện hợp đồng thi công với Công ty Cổ phần xây dựng FLC Faros
31	33/2017/NQ-HDQT	20/11/2017	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc đổi tên và thay đổi ngành nghề kinh doanh.
32	35/2017/NQ-HDQT	05/12/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Phạm Thị Lệ Thủy

II. Ban Kiểm soát

1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Hiện tại, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
1	Bà Trần Thị Tố Dung	Trưởng BKS	13/04/1977	0	0
2	Bà Hoàng Thị Thu Hằng	TV BKS	11/12/1982	0	0
3	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	TV BKS	27/03/1979	0	0

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 3 lần. Ban Kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra việc sử dụng và bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước, chấp hành Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty;
- Kiểm tra giám sát các dự án đầu tư;

- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thường xuyên trao đổi nội bộ cũng như với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo nhiệm vụ, chức năng được giao, luôn bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ.
- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2017.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý của Công ty.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

3.1.1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

Ban Kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

Mặc dù tình hình kinh tế thế giới, khu vực còn gặp nhiều khó khăn sau khủng hoảng, tuy nhiên, với việc lãnh đạo điều hành doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đưa ra được các giải pháp đúng đắn, kịp thời, cùng với toàn thể cán bộ, nhân viên toàn Công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017, vượt mức một số chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra từ đầu năm, hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

3.1.2. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cụ thể như sau:

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 là Công ty TNHH kiểm toán ASC (nay là Công ty TNHH kiểm toán TTP). Tuy nhiên, khi tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017, HĐQT đã họp và thay đổi sang Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM.
- Công ty đã hoàn tất việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi tên công ty, thay đổi ngành nghề, tăng vốn điều lệ.
- Thực hiện kế hoạch huy động vốn điều lệ trong năm 2017 để bảo đảm nguồn tài chính hoạt động kinh doanh và phục vụ cho các dự án đầu tư,
- Thực hiện tốt các chủ trương đầu tư như thành lập, góp vốn, quản lý vốn góp tại các công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác...
- Thực hiện tốt nhiệm vụ tái cấu trúc bộ máy và các hoạt động tại Công ty và các Công ty thành viên.

3.1.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM, Ban Kiểm soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo với Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM.
- Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty là trung thực và tuân thủ các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

Đến 31/12/2017, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2017 theo báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	% Hoàn thành
Doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.087.773.904.635	1.500.000.000	139,2%
Lợi nhuận sau thuế	41.148.859.322	70.000.000.000	59,2%

3.2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các Cán bộ quản lý

3.2.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua;
- Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoàn toàn tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác;
- Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ và đột xuất theo quy định để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận thấy được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

3.2.2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, cũng như các ứng phó nhanh chóng kịp thời với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;
- Trong thời gian hoạt động năm vừa qua, Ban Kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty;
- Trong cả năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3.2.3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy định về quản trị nội bộ công ty

- Nhờ việc thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị nội bộ Công ty, Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời các chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm;

- Ban Kiểm soát cũng đã đẩy mạnh việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, quy chế trả lương và các quy chế nội bộ khác theo đúng quy định.

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1.1. Thù lao của HĐQT:

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, thù lao của thành viên HĐQT được thông qua như sau: Chủ tịch HĐQT là 5.000.000 đồng/tháng, các thành viên khác là 3.000.000 đồng/tháng. Năm 2017, Công ty đã trả thù lao cho HĐQT là 222.000.000 đồng

1.2. Thù lao của BKS:

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, thù lao của thành viên BKS được thông qua như sau: Trưởng ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng, các thành viên khác là 2.000.000 đồng/tháng. Tổng thù lao của BKS năm 2017 công ty đã chi trả là 84.000.000 đồng.

1.2.3 Lương và các lợi ích khác của Ban TGD

Các thành viên Ban Tổng giám đốc được hưởng lương và các lợi ích khác theo quy định của công ty trên cơ sở thỏa thuận với người lao động và không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

2. Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Tiến Đức		2.700.000	4,16%	7.700.000	11,87%	Mua cổ phiếu
2	Ngô Công Chính		540.000	0,83%	0	0%	Bán cổ phiếu
3	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros		15.817.418	24,38%	2.167.948	3,34%	Bán cổ phiếu
4	Nguyễn Quốc Trường		1.674.000	2,58%	0	0%	Bán cổ phiếu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

II. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính tại website: www.amdgroup.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TIỀN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN FLC AMD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD được đăng ký thành lập ngày 20 tháng 9 năm 2007 với tên gọi là Công ty Cổ phần FIKOR Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103019695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Ngày 13/7/2016, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư AMD GROUP theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/7/2016.

Ngày 24/12/2016, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 24/12/2016.

Ngày 13/2/2018, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/2/2018.

Tên giao dịch nước ngoài: tên giao dịch là FLC AMD MINING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết trên sàn Hose với mã là: AMD

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, tòa nhà SUCED, số 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/6/2017)
	Bà Vũ Đặng Hải Yến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/6/2017)
	Ông Lê Quý Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/6/2017)
	Ông Nguyễn Thiện Phú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/6/2017)
	Bà Võ Thị Thùy Dương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/6/2017)
	Ông Ngô Công Chính	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/6/2017)
	Bà Đàm Thị Ngân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/6/2017)
	Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/6/2017)
	Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/6/2017)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Tiến Đức	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/6/2017)
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/6/2017)
	Bà Phạm Thị Lệ Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 6/12/2017)
	Ông Ngô Công Chính	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17/8/2017)
	Ông Nguyễn Đăng Tâm	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/7/2017)
	Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/8/2017)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện sau ngày khoá sổ nêu ở thuyết minh số 6.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số: 355/2017/BCKT-BCTCIIN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Kiểm toán viên khác. Kiểm toán viên này đã phát hành Báo cáo Kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2017 với ý kiến kiểm toán dạng chấp nhận toàn phần.



A blue ink signature, likely belonging to Bùi Thị Thủy, written in a cursive style.

Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Bùi Thị Thủy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		646.017.866.640	845.253.411.825
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	33.404.402.494	61.167.446.711
1. Tiền	111		21.704.402.494	61.167.446.711
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.700.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	7.938.515.663	2.748.248.663
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.938.515.663	2.748.248.663
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		456.891.327.754	621.651.316.829
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	116.449.514.385	263.160.859.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		162.634.934.073	193.567.573.715
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	115.135.188.696	126.266.883.402
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(294.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		120.980.771.440	149.065.150.408
1. Hàng tồn kho	141	5.5	120.980.771.440	149.065.150.408
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.802.849.289	10.621.249.214
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	13.104.938.960	1.133.236.345
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.697.910.329	9.488.012.869
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		612.217.896.570	460.353.478.804
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		92.813.392.473	62.778.601.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	92.813.392.473	62.778.601.000
II. Tài sản cố định	220		176.351.174.279	7.039.459.515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	176.281.731.687	7.039.459.515
- Nguyên giá	222		187.947.914.730	11.091.252.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.666.183.043)	(4.051.792.773)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	69.442.592	-
- Nguyên giá	228		77.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.557.408)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	48.602.809.232	67.067.860.308
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		753.018.669	753.018.669
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		47.849.790.563	66.314.841.639
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	157.714.762.744	197.818.036.971
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		157.714.762.744	197.818.036.971
VI. Tài sản dài hạn khác	260		136.735.757.842	125.649.521.010
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	38.378.911.679	11.233.290.847
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		(6.880.837)	(6.880.837)
5. Lợi thế thương mại	269	5.10	98.363.727.000	114.423.111.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.258.235.763.210	1.305.606.890.629

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		463.199.899.877	573.400.536.987
I. Nợ ngắn hạn	310		351.036.702.254	497.039.641.027
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	142.387.354.492	325.436.827.155
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	70.791.919.570	100.961.030.450
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	29.591.634.559	23.180.120.201
4. Phải trả người lao động	314		1.485.209.259	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	847.024.793	5.200.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	35.752.073.963	6.039.286.002
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	67.313.666.935	39.631.978.025
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.867.818.683	1.785.199.194
II. Nợ dài hạn	330		112.163.197.623	76.360.895.960
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	112.163.197.623	76.360.895.960
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		795.035.863.333	732.206.353.642
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	795.035.863.333	732.206.353.642
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		648.783.940.000	623.999.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		648.783.940.000	623.999.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(329.285.215)	(90.000.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		262.959.345	262.959.345
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.767.758.141	2.602.475.660
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.875.158.544	1.709.876.063
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.036.924.223	57.349.746.022
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.888.064.901	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.148.859.322	57.349.746.022
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		47.638.408.295	46.371.936.552
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.258.235.763.210	1.305.606.890.629

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Thu

Trần Thị Thúy Liên



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	2.087.773.904.635	1.445.628.914.014
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	19.968.000	62.699.078.903
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.087.753.936.635	1.382.929.835.111
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	1.962.727.386.697	1.277.411.027.688
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		125.026.549.938	105.518.807.423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	3.401.983.020	1.322.333.083
7. Chi phí tài chính	22	5.22	20.181.720.955	2.186.391.257
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.679.830.945	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(61.204.728)	(10.158.216)
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	5.150.510.184	2.099.957.547
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	42.609.701.413	44.714.387.937
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		60.425.395.678	57.830.245.549
12. Thu nhập khác	31	5.24	536.908.227	2.190.551.328
123 Chi phí khác	32	5.24	2.824.862.210	1.678.032.203
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(2.287.953.983)	512.519.125
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		58.137.441.695	58.342.764.674
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	16.988.582.373	14.941.115.047
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		41.148.859.322	43.401.649.627
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		39.882.387.579	42.518.308.855
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.266.471.743	883.340.772
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	619	832

Người lập



Hoàng Thị Thêu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Liễu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	58.137.441.695	58.342.764.674
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	7.902.807.514	17.138.072.732
- Các khoản dự phòng	03	923.413.117	309.011.492
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	109.568.586	(32.309.686)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.399.095.968)	(430.918.430)
- Chi phí lãi vay	06	17.066.214.607	1.878.780.472
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	75.740.349.551	77.205.401.254
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	66.863.026.551	(478.083.971.175)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	21.694.785.190	(78.862.033.517)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(90.062.366.790)	319.769.929.815
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(39.971.755.724)	8.492.159.305
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17.066.214.607)	(1.878.780.472)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.657.564.081)	(4.961.092.490)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	19.106.873
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(5.596.515.283)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.540.260.090	(163.895.795.690)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(158.645.340.457)	(34.125.769.391)
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(66.976.000.000)	(55.867.733.000)
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.118.000.000	40.918.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(361.991.063.121)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	63.750.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.461.843.475	650.374.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(128.291.496.982)	(410.416.190.792)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	24.784.580.000	510.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	170.604.575.728	119.648.448.900
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(103.441.865.330)	(17.579.174.915)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(849.529.137)	(364.339.389)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	91.097.761.261	611.704.934.596
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(27.653.475.631)	37.392.948.114
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	61.167.446.711	23.781.116.772
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(109.568.586)	(6.618.175)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	33.404.402.494	61.167.446.711

Người lập

Hoàng Thị Thêu

Hoàng Thị Thêu

Kế toán trưởng

Trần Thị Thủy Liễu

Trần Thị Thủy Liễu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Dũng
 NGUYỄN TIẾN DŨNG
 0102311111

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD được đăng ký thành lập ngày 20 tháng 9 năm 2007 với tên gọi là Công ty Cổ phần FIKOR Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103019695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Ngày 13/7/2016, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư AMD GROUP theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/7/2016.

Ngày 24/12/2016, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 24/12/2016.

Ngày 13/2/2018, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/2/2018.

Tên giao dịch nước ngoài: tên giao dịch là FLC AMD MINING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết trên sàn Hose với mã là: AMD

Sở hữu vốn:

	Số đã góp	Tỷ lệ
CTCP Chứng khoán Artex	30.000.000.000	5%
CTCP Xây dựng FLC FAROS	21.679.480.000	3%
Vốn của Cổ đông khác	597.104.460.000	92%
Tổng	648.783.940.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, tòa nhà SUCED, số 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2017 là 280 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và Phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và Phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục./.

Hoạt động chính của công ty trong năm 2017 là kinh doanh vật liệu xây dựng, bán sản phẩm sản xuất từ đá tự nhiên.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết sau:

Tên công ty, đơn vị	Ngành nghề	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế
Dầu tư vào Công ty con			
	Khai thác và kinh doanh	80%	80%
Công ty Cổ phần AMD Khoáng sản			
Công ty Cổ phần AMD Smart	Phần mềm	98%	98%
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đồng Sơn	Kinh doanh thương mại	99,50%	99,50%
Viện quản lý và phát triển châu Á	Tư vấn, nghiên cứu, đào tạo	59,48%	59,48%
Dầu tư vào công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Decohouse	Thương mại	40%	40%
Công ty Cổ phần đầu tư VIP ROYAL	Thương mại	36%	36%
Công ty Cổ phần dịch vụ Pháp Việt	Thương mại	44,78%	44,78%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Bi	Thương mại	34,83%	34,83%

Đơn vị trực thuộc: Văn phòng Công ty

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty mẹ được loại bỏ khi Hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- (ii) Công ty không có các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào
31/12/2016	Ngân hàng BIDV - CN Thăng Long	22.720 VND/USD
31/12/2017	Ngân hàng BIDV - CN Thăng Long	22.665 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua. Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá các tài sản cố định thuộc Công ty Mẹ đã được điều chỉnh lại theo Quyết định số 980/QĐ – BXD của Bộ Xây dựng ngày 25/08/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là các phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 04

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được khấu hao không quá 10 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Thời gian phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm, bắt đầu kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con theo nguyên tắc: Việc phân bổ phải thực hiện dần đều qua các năm. Định kỳ Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại Công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ (lợi thế thương mại âm), giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thực hiện dự án: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách,

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành,

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty và các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực chính là tư vấn xây dựng, trên một lãnh thổ ở Việt Nam do đó không lập báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.126.062.700	31.043.475.800
Tiền gửi ngân hàng	20.578.339.794	30.123.970.911
Các khoản tương đương tiền	11.700.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	11.700.000.000	-
Tổng	33.404.402.494	61.167.446.711

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	7.938.515.663	7.938.515.663	2.748.248.663	2.748.248.663
- Tiền gửi có kỳ hạn	7.938.515.663	7.938.515.663	2.748.248.663	2.748.248.663
Tổng	7.938.515.663	7.938.515.663	2.748.248.663	2.748.248.663

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN FLC AMD
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017			
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	157.714.762.744	-	-	197.818.036.971	-	-
Công ty Cổ phần Decohouse	39.834.365.695			39.836.285.921		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Pháp Việt	44.947.393.973			44.956.746.086		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Bi	27.938.987.816			27.987.327.899		
Công ty Cổ phần Đầu tư VIP ROYAL	44.994.015.260			44.995.607.566		
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Việt Hàn	-			40.042.069.499		
Tổng	157.714.762.744	(*)	-	197.818.036.971	(*)	-

(*) Các khoản đầu tư của Công ty chưa niêm yết nên chưa xác định được giá trị thị trường. Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý dựa trên các phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN FLC AMD

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	116.449.514.385	263.160.859.712
Công ty TNHH Thiên Thuận Tường	24.554.230.099	10.162.563.230
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng An Du	13.851.121.473	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Bông Sen Vàng	6.565.000.000	-
Đối tượng khác	71.479.162.813	252.998.296.482
Tổng	116.449.514.385	263.160.859.712

5.4 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	115.135.188.696	-	126.266.883.402	-
- Tạm ứng	72.269.492.980	-	49.680.251.928	-
- Ký cược, ký quỹ	6.340.106.441	-	6.290.051.682	-
- Nguyễn Minh Phương (*)	10.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Bi (**)	23.000.000.000	-	23.000.000.000	-
- Phải thu khác	3.525.589.275	-	47.296.579.792	-
Dài hạn	92.813.392.473	-	62.778.601.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.557.202.000	-	62.778.601.000	-
Tổng	207.948.581.169	-	189.045.484.402	-

(*) Là khoản cho cá nhân vay theo hợp đồng vay tiền số 1407/2017/HĐVCN-AMDGROUP ngày 14/7/2017.

(**) hợp đồng ủy thác số 1809/2016/HĐUT với Công ty Cổ phần Thương Mại Việt Bi. Thời hạn ủy thác 24 tháng. Lãi suất ủy thác 4%/năm.

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	594.245.473	-	118.915.437	-
Công cụ, dụng cụ	1.053.514.586	-	-	-
Chi phí SX KDDD	12.637.106.551	-	15.250.382.719	-
Thành phẩm	9.133.649.334	-	-	-
Hàng hóa	97.562.255.496	-	133.695.852.252	-
Tổng	120.980.771.440	-	149.065.150.408	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	13.104.938.960	1.133.236.345
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	-	1.133.236.345
- Chi phí khác	13.104.938.960	-
Dài hạn	38.378.911.679	11.233.290.847
Chi phí thuê văn phòng (*)	36.480.000.000	-
Chi phí đầu tư cải tạo công trình Ebest (**)	-	9.333.333.337
Chi phí khác	1.898.911.679	1.899.957.510
Tổng	51.483.850.639	12.366.527.192

(*) Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng số A23 tại 265 Cầu Giấy từ năm 2018 đến năm 2062.

(**) Chi phí đầu tư cải tạo khu đất, công trình trên đất của trung tâm thương mại EbestMall theo hợp đồng số 0805/2014/ITKD-AMD ngày 1/4/2014. Giữa Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐTNX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đóng góp bằng quyền sử dụng đất. AMD đóng góp bằng chi phí đầu tư cải tạo tương đương 22 tỷ đồng (bao gồm cả VAT). AMD hưởng khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu, từ năm thứ 6 khoản lợi nhuận này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Đến ngày 25/8/2017 Công ty đã thanh lý quyền khai thác thương mại trên cho Công ty TNHH Thiên Thuận Tường theo thỏa thuận thanh lý tài sản số 2508/2017/TLTS ngày 25/8/2017 với Công ty TNHH Thiên Thuận Tường. Nội dung: Thanh lý toàn bộ giá trị đầu tư. Giá thanh lý: 21.780.000.000 đồng đã bao gồm VAT. Công ty đã ghi nhận vào doanh thu trong năm.

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	753.018.669	753.018.669
Xây dựng cơ bản dở dang	47.849.790.563	66.314.841.639
Tổng	48.602.809.232	67.067.860.308

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN FLC AMD

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị đụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	-	3.405.677.273	6.759.856.833	728.354.546	197.363.636	11.091.252.288
Tăng trong năm	77.331.371.532	85.472.850.909	14.854.330.910	-	-	177.658.553.351
Mua trong năm		85.472.850.909	14.854.330.910			100.327.181.819
Xây dựng cơ bản hoàn thành	77.331.371.532					77.331.371.532
Giảm trong năm	-	88.181.818	713.709.091	-	-	801.890.909
Giảm do thoái vốn Công ty con		88.181.818	713.709.091			801.890.909
Số dư tại 31/12/2017	77.331.371.532	88.790.346.364	20.900.478.652	728.354.546	197.363.636	187.947.914.730
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2017	-		3.320.014.977	553.381.108	178.396.688	4.051.792.773
Tăng trong năm	361.311.300	5.923.925.247	1.420.989.996	170.056.615	18.966.948	7.895.250.106
Khấu hao trong năm	361.311.300	5.923.925.247	1.420.989.996	170.056.615	18.966.948	7.895.250.106
Giảm trong năm	-	72.694.690	208.165.146	-	-	280.859.836
Giảm do thoái vốn Công ty con		72.694.690	208.165.146			280.859.836
Số dư tại 31/12/2017	361.311.300	5.851.230.557	4.532.839.827	723.437.723	197.363.636	11.666.183.043
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	-	3.405.677.273	3.439.841.856	174.973.438	18.966.948	7.039.459.515
Tại 31/12/2017	76.970.060.232	82.939.115.807	16.367.638.825	4.916.823	-	176.281.731.687

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay: 168.130.307.838 đồng

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2017		-
Tăng trong năm	77.000.000	77.000.000
Mua trong năm	77.000.000	77.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>77.000.000</u>	<u>77.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2017		-
Tăng trong năm	7.557.408	7.557.408
Khấu hao trong năm	7.557.408	7.557.408
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>7.557.408</u>	<u>7.557.408</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	-	-
Tại 31/12/2017	<u>69.442.592</u>	<u>69.442.592</u>

5.10 Lợi thế thương mại

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi thế thương mại đầu năm	114.423.111.000	130.482.495.000
Lợi thế thương tăng trong năm	-	-
Lợi thế thương phân bổ trong năm	16.059.384.000	16.059.384.000
Giá trị còn lại của Lợi thế thương mại tại 31/12/2017	<u>98.363.727.000</u>	<u>114.423.111.000</u>

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	142.387.354.492	142.387.354.492	325.436.827.155	325.436.827.155
Công ty CP Tập đoàn FLC	20.128.000.000	20.128.000.000	1.997.360.000	1.997.360.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng An Du	8.375.980.725	8.375.980.725	-	-
Công ty TNHH FLC SAMSON GOLF & RESORT	7.268.954.301	7.268.954.301	272.217.000	272.217.000
Các đối tượng khác	98.038.664.859	98.038.664.859	323.167.250.155	323.167.250.155
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Quản Lý Sân GOLF BISCOM Tại Tỉnh Thanh Hóa	5.604.154.607	5.604.154.607	-	-
Công ty CP Đông Nam Á Việt Nam	2.971.600.000	2.971.600.000	-	-
Tổng	142.387.354.492	142.387.354.492	325.436.827.155	325.436.827.155

5.12 Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	70.791.919.570	70.791.919.570	100.961.030.450	100.961.030.450
Công ty TNHH Đầu tư và quản lý tòa nhà Ion Complex	30.667.337.461	30.667.337.461	-	-
Các đối tượng khác	40.124.582.109	40.124.582.109	100.961.030.450	100.961.030.450
Tổng	70.791.919.570	70.791.919.570	100.961.030.450	100.961.030.450

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp	23.180.120.201	17.695.766.919	11.284.252.561	29.591.634.559
Thuế giá trị gia tăng	2.597.368.961	731.414.906	2.555.840.037	772.943.830
Thuế XNK	-	56.514.861	56.514.861	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.107.197.973	15.026.155.371	7.657.564.081	26.475.789.263
Thuế thu nhập cá nhân	807.177.076	673.653.517	180.647.478	1.300.183.115
Thuế tài nguyên	-	643.532.251	526.120.251	117.412.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	208.855.751	208.855.751	-
Thuế khác	-	10.502.000	10.502.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	668.376.191	345.138.262	88.208.102	925.306.351

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	847.024.793	5.200.000
- Chi phí phải trả khác	847.024.793	5.200.000
Tổng	847.024.793	5.200.000

5.15 Phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	35.752.073.963	6.039.286.002
Bảo hiểm xã hội	20.675.314	-
Bảo hiểm y tế	17.719.044	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.511.067	-
Phải trả, phải nộp khác	35.705.168.538	6.039.286.002
<i>Nguyễn Tiến Đức (*)</i>	<i>22.589.575.243</i>	
<i>Công ty CP Đầu tư Vip Royal (**)</i>	<i>6.000.000.000</i>	
- Các khoản phải trả khác	7.115.593.295	6.039.286.002
Tổng	35.752.073.963	6.039.286.002

(*) Vay bổ sung vốn lưu động với Ông Nguyễn Tiến Đức (Chủ tịch HĐQT Công ty), thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 13%/năm.

(**) Thu tiền trước của Công ty Cổ phần đầu tư Vip Royal theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2706/2016/HĐCN/DECOHOUSE ngày 27 tháng 6 năm 2016 về chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Decohouse với mệnh giá 15.000 đồng/cổ phần, tương đương 20% vốn cổ phần. Thanh toán thành 2 đợt, đợt 1 thanh toán 20% giá trị hợp đồng là 6.000.000.000 đồng. Đợt 2 thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên chuyển nhượng nhận được giấy xác nhận chuyển nhượng và sổ cổ phần do Công ty Cổ phần Decohouse cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN FLC AMD
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.16 Vay và nợ thuế tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng BIDV - CN Hà Thành (1)	67.313.666.935	67.313.666.935	110.339.414.064	82.657.725.154	39.631.978.025	39.631.978.025
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (2)	49.017.770.896	49.017.770.896	68.895.548.376	55.523.835.680	35.646.058.200	35.646.058.200
Các đối tượng khác	18.295.896.039	18.295.896.039	41.443.865.688	23.147.969.649	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (3)	112.163.197.623	112.163.197.623	60.265.161.664	24.822.043.676	3.985.919.825	3.985.919.825
Ngân hàng BIDV - CN Hà Thành (4)	501.600.000	501.600.000	512.000.000	10.400.000	76.360.895.960	76.360.895.960
Ngân hàng Tiên Phong - Phạm Hùng	102.612.513.949	102.612.513.949	56.527.417.989	23.828.000.000	69.913.095.960	69.913.095.960
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm	2.474.899.999	2.474.899.999	2.752.000.000	277.100.001	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Tây Hà Nội	359.183.675	359.183.675	400.000.000	40.816.325	-	-
Vay đối tượng khác	215.000.000	215.000.000	-	540.000.000	755.000.000	755.000.000
Tổng	6.000.000.000	6.000.000.000	473.743.675	166.543.675	5.692.800.000	5.692.800.000
	179.476.864.558	179.476.864.558	170.604.575.728	107.479.768.830	115.992.873.985	115.992.873.985

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

(1) Hợp đồng vay tiền số 01/2017/6012201/HĐTD ngày 03/07/2017 với ngân hàng BIDV Hà Thành. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 gồm cả VND và ngoại tệ, trong đó hạn mức bảo lãnh tối đa là 30.000.000.000 đồng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2018. Đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2017/HĐTDHM ngày 25/4/2017 tại hội sở chính Ngân hàng Việt Nga, mức dư nợ tối đa 15.000.000.000 đồng. Thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Thời hạn vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất trong hạn được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo quy định về lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

(2) Hợp đồng số 05/2017/HĐTDHM ngày 03/05/2017 với ngân hàng Liên doanh Việt – Nga. Ngân hàng cho bên vay, vay thường xuyên theo mức nợ tối đa với số tiền là: 35.000.000.000. Thời hạn vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất trong hạn được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo quy định về lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty.

(3) Hợp đồng số 14/2017/HĐTD/VRB-AMD ngày 27/11/2017 với Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga. Số tiền 512.000.000 đồng. Thời hạn 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải khoản vốn vay đầu tiên cho bên vay. Lãi suất vay trong hạn: a. Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến hết Quý I/2018 là 9,5%/năm; b. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay tiếp theo sẽ được xác định theo công thức: Bảng lãi suất huy động đồng VND từ dân cư kỳ hạn 12 tháng (theo công bố của VRB tại thời điểm thay đổi lãi suất) + Margin 2,5%. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty.

(4) Hợp đồng số 03/2016/6012201/HĐTD ngày 19/12/2016 với ngân hàng BIDV Hà Thành. Số tiền vay 97.000.000.000 và không vượt quá 74,9% tổng chi phí đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đã với làm vật liệu xây dựng thông thường tại Núi Bền. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vay đầu tiên (trong đó thời gian ân hạn gốc tối đa 06 tháng). Thời gian rút vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, nhưng không quá ngày 30/11/2017. Lãi suất cho vay trong hạn: Bảng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đối với VND của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành trong thời kỳ cộng margin 4,0%/năm được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào ngày mùng 1 của tháng đầu tiên. Lãi suất cho vay kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này cho đến hết 31/12/2016 không quá 10%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN FLC AMD
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	300.000.000.000	262.959.345	(90.000.000)	1.785.199.194	892.599.597	40.441.529.311	15.656.285.111	358.948.572.558
Tăng trong năm								
Tăng vốn	323.999.360.000	-	-	-	-	-	-	323.999.360.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	42.518.308.855	30.715.651.441	73.233.960.296
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	817.276.466	817.276.466	-	-	1.634.552.932
Tăng khác	-	-	-	-	-	23.820.788	-	23.820.788
Giảm trong năm								
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(1.634.552.932)	-	(1.634.552.932)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(23.999.360.000)	-	(23.999.360.000)
Số dư tại 31/12/2016	623.999.360.000	262.959.345	(90.000.000)	2.602.475.660	1.709.876.063	57.349.746.022	46.371.936.552	732.206.353.642
Số dư tại 01/01/2017	623.999.360.000	262.959.345	(90.000.000)	2.602.475.660	1.709.876.063	57.349.746.022	46.371.936.552	732.206.353.642
Tăng trong năm								
Tăng vốn	24.784.580.000	-	-	-	-	-	-	24.784.580.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	39.882.387.579	1.266.471.743	41.148.859.322
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.165.282.481	2.165.282.481	-	-	4.330.564.962
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(1.299.169.489)	-	(1.299.169.489)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(4.330.564.962)	-	(4.330.564.962)
Giảm khác	-	-	(239.285.215)	-	-	(1.565.474.927)	-	(1.804.760.142)
Số dư tại 31/12/2017	648.783.940.000	262.959.345	(329.285.215)	4.767.758.141	3.875.158.544	90.036.924.223	47.638.408.295	795.035.863.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
CTCP Chứng khoán Artex	30.000.000.000	30.000.000.000
CTCP Xây dựng FLC FAROS	21.679.480.000	21.679.480.000
Vốn của Cổ đông khác	597.104.460.000	572.319.880.000
Tổng	648.783.940.000	623.999.360.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	623.999.360.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	24.784.580.000	323.999.360.000
Vốn góp tại cuối năm	648.783.940.000	623.999.360.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	23.999.360.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.878.394	62.399.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.878.394	62.399.936
Cổ phiếu phổ thông	64.878.394	62.399.936
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.878.394	62.399.936
Cổ phiếu phổ thông	64.878.394	62.399.936
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	-	379.762.786.788
Doanh thu bán hàng	2.004.720.679.730	998.025.449.738
Doanh thu dịch vụ	83.053.224.905	67.840.677.488
Tổng	2.087.773.904.635	1.445.628.914.014

5.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	19.968.000	62.699.078.903
Tổng	19.968.000	62.699.078.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.894.518.742.062	381.659.936.296
Giá vốn cung cấp dịch vụ	68.208.644.635	364.119.865.167
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	-	531.631.226.225
Tổng	1.962.727.386.697	1.277.411.027.688

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.314.002.384	619.137.432
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	102.616.512
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	87.980.636	600.579.139
Tổng	3.401.983.020	1.322.333.083

5.22 Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.679.830.945	1.923.191.121
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.817.521.968	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	112.764.014	263.200.136
Chi phí hoạt động tài chính khác	571.604.028	-
Tổng	20.181.720.955	2.186.391.257

5.23 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.702.908.268	6.578.240.440
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	834.593.699	3.058.122.175
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	145.856.136	153.521.297
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.870.582.115	1.655.121.518
Thuế, phí, lệ phí	723.450.753	518.458.084
Lợi thế thương mại phân bổ	16.059.384.000	16.059.384.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.552.957.387	12.880.915.655
Chi phí bằng tiền khác	1.870.479.239	5.910.582.315
Tổng	47.760.211.597	46.814.345.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thu khác	536.908.227	2.190.551.328
Tổng	536.908.227	2.190.551.328
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	561.063.645	1.508.445.796
Chi phí khác	2.263.798.565	169.586.407
Tổng	2.824.862.210	1.678.032.203
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(2.287.953.983)	512.519.125

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.988.582.373	14.941.115.047
Tổng	16.988.582.373	14.941.115.047

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	41.148.859.322	43.401.649.627
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	39.882.387.579	42.518.308.855
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.266.471.743	883.340.772
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.299.169.489)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	39.882.387.579	41.219.139.366
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	64.469.827	49.527.633
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	619	832

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.404.402.494	61.167.446.711
Phải thu khách hàng và phải thu khác	324.398.095.554	451.912.344.114
Đầu tư ngắn hạn	7.938.515.663	2.748.248.663
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng	428.412.704.311	554.778.039.488
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	179.476.864.558	115.992.873.985
Phải trả người bán và phải trả khác	178.139.428.455	331.476.113.157
Chi phí phải trả	847.024.793	5.200.000
Tổng	358.463.317.806	447.474.187.142

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	67.313.666.935	112.163.197.623	179.476.864.558
Phải trả người bán và phải trả khác	178.139.428.455	-	178.139.428.455
Chi phí phải trả	847.024.793	-	847.024.793
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	39.631.978.025	76.360.895.960	115.992.873.985
Phải trả người bán và phải trả khác	331.476.113.157	-	331.476.113.157
Chi phí phải trả	5.200.000	-	5.200.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ B 09 - DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.404.402.494	-	33.404.402.494
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.584.703.081	92.813.392.473	324.398.095.554
Đầu tư ngắn hạn	7.938.515.663	-	7.938.515.663
Đầu tư dài hạn	-	-	-
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.167.446.711	-	61.167.446.711
Phải thu khách hàng và phải thu khác	389.133.743.114	62.778.601.000	451.912.344.114
Đầu tư ngắn hạn	2.748.248.663	-	2.748.248.663
Đầu tư dài hạn	-	-	-

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Người lập



Hoàng Thị Thêu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Liễu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng